

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147, Điều 157, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 12 tháng 7 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 05/2023/TLST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2023 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bắc Kạn và bà Eng Thị K vắng mặt tại phiên hòa giải tuy nhiên đã có văn bản nhất trí với những nội dung các đương sự đã thỏa thuận theo biên bản hòa giải thành.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà Dương Thị H. Địa chỉ: Thôn C, xã G, huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

* *Bị đơn*: Ông Hoàng Văn T. Địa chỉ: Thôn K, xã G, huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Bà Eng Thị K. Địa chỉ: Thôn K, xã G, huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

- Ông Mã Văn L. Địa chỉ: Thôn C, xã G, huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

- Ông Hoàng Văn K1 và bà Ma Thị Y. Địa chỉ: Thôn C, xã G, huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

- Ông Ma Văn L1 và bà Dương Thị T1. Địa chỉ: Thôn N, xã G, huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

- Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ma Văn T2 – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện P.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bị đơn ông Hoàng Văn T và vợ là bà Eng Thị K được quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp khoảng 5563,2m² tại thôn C, xã G, huyện P, tỉnh Bắc Kạn

(Diện tích đất tranh chấp được giới hạn bởi các mốc 1-2-3-4-5-6-7-8-9-10-11-12-13-14-15-16-17-18-19-20-1 theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 31/5/2023 có bản trích đo địa chính thửa đất tranh chấp kèm theo)

2.2. Nguyên đơn không đề nghị hủy một phần quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 24/4/2009 của UBND huyện P và không đề nghị hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 676915 ngày 24/4/2009 do UBND huyện P, tỉnh Bắc Kạn cấp cho hộ ông Hoàng Văn T và bà Eng Thị K đối với phần diện tích đất tranh chấp thuộc thửa đất số 64, tờ bản đồ số 2.

Ông Hoàng Văn T và bà Eng Thị K có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đề nghị chỉnh lý lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên theo như thỏa thuận giữa các đương sự.

2.3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền là 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*)

- Nguyên đơn chịu tự nguyện chịu 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

- Bị đơn tự nguyện chịu 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Nguyên đơn đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ do đó bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

Việc thi hành án dân sự đối với số tiền chậm trả: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.4. Về án phí:

- Nguyên đơn bà Dương Thị H được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà H 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ

thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000006 ngày 07/02/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn.

- Bị đơn ông Hoàng Văn T được miễn án phí dân sự sơ thẩm

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Cục THADS tỉnh Bắc Kạn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Hoàng Thị Thu Hương